



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long

Ngày 31/12/2025	8,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	9.0%	1.2%	11.8%

DT thuần Q4/25
262
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 91.0 53.0%
YoY: ▼ 138 -34.6%

LN thuần Q4/25
35.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 22.5 176%
YoY: ▲ 67.7 209%

LN sau thuế Q4/25
22.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.9 755%
YoY: ▲ 65.1 153%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
12.7%
YoY: +/- ▼ 3.4%

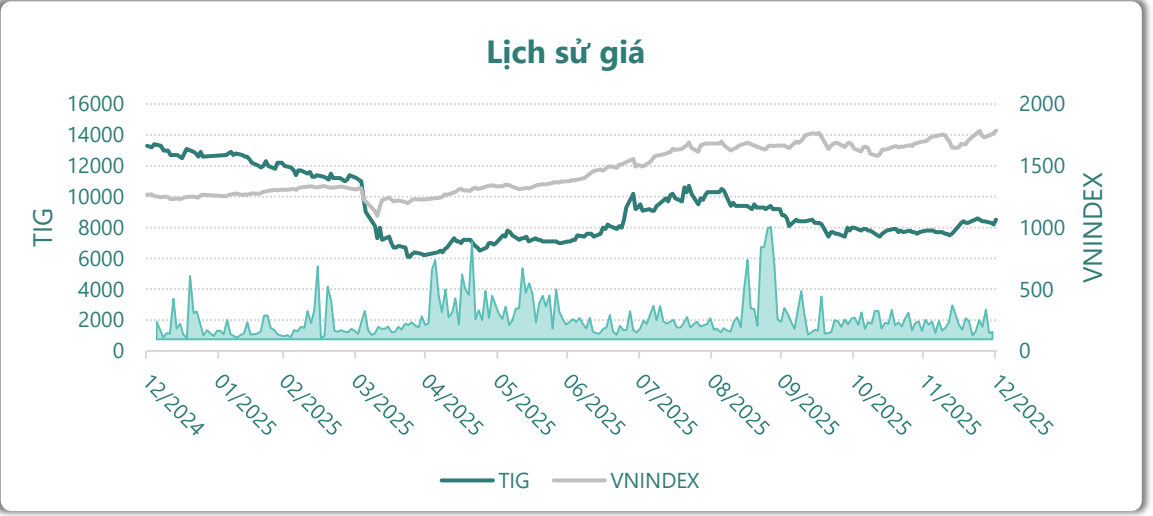
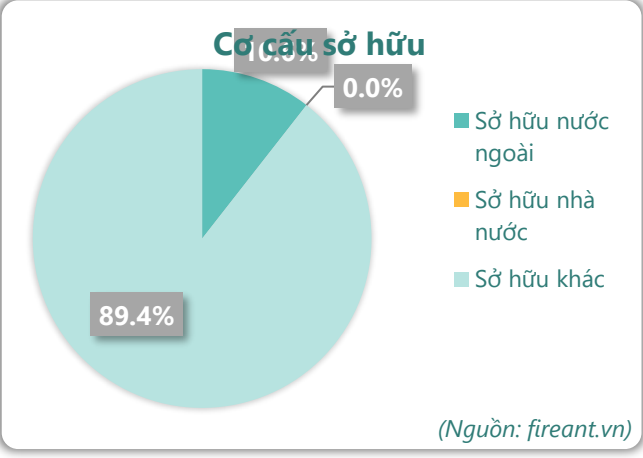
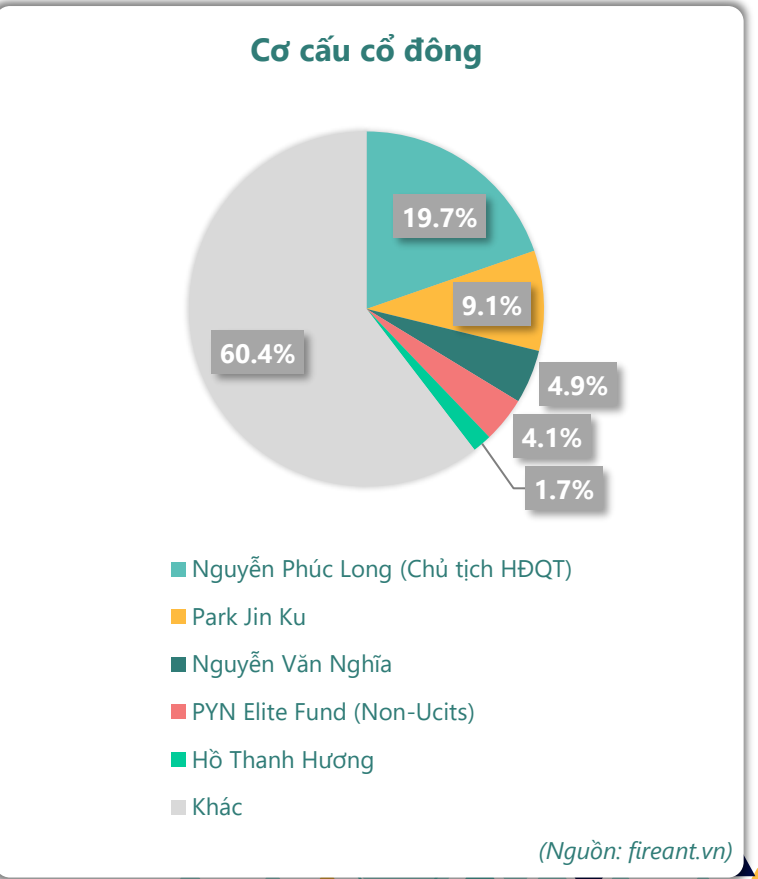
ROE 2025
3.3%
YoY: +/- ▼ 4.3%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,100 - 13,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,646
Số lượng CPLH (CP)	193,606,205
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,204,340
Sở hữu nước ngoài	10.6%
Beta	1.60
EPS	363
P/E	23.4

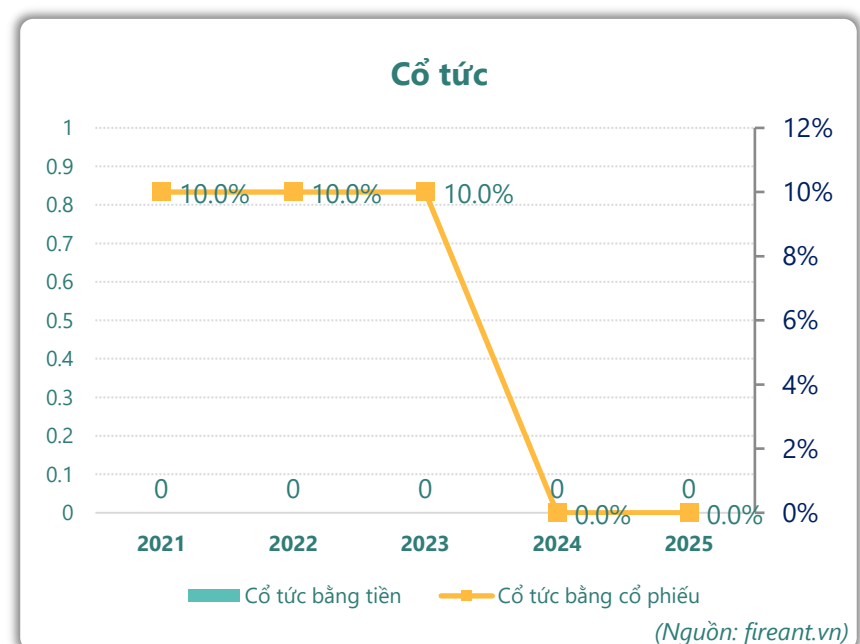
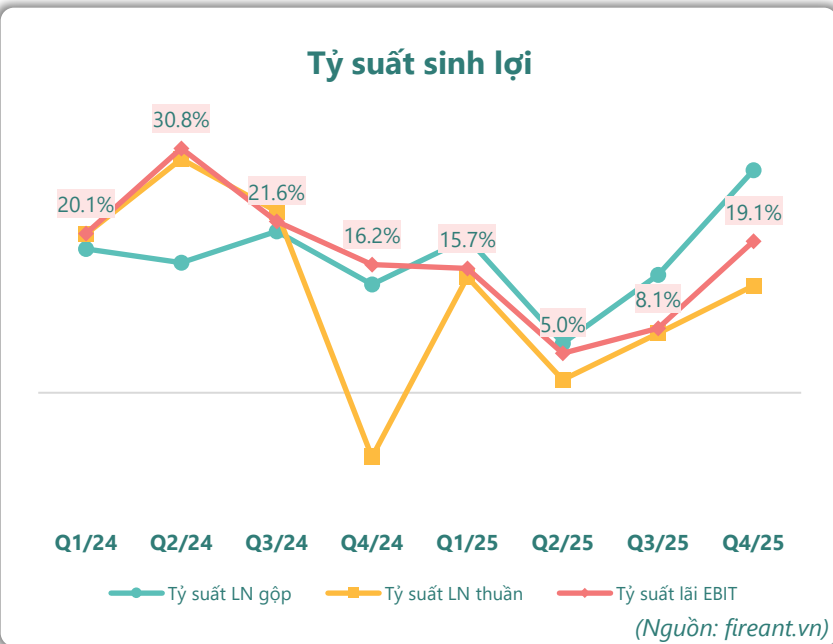
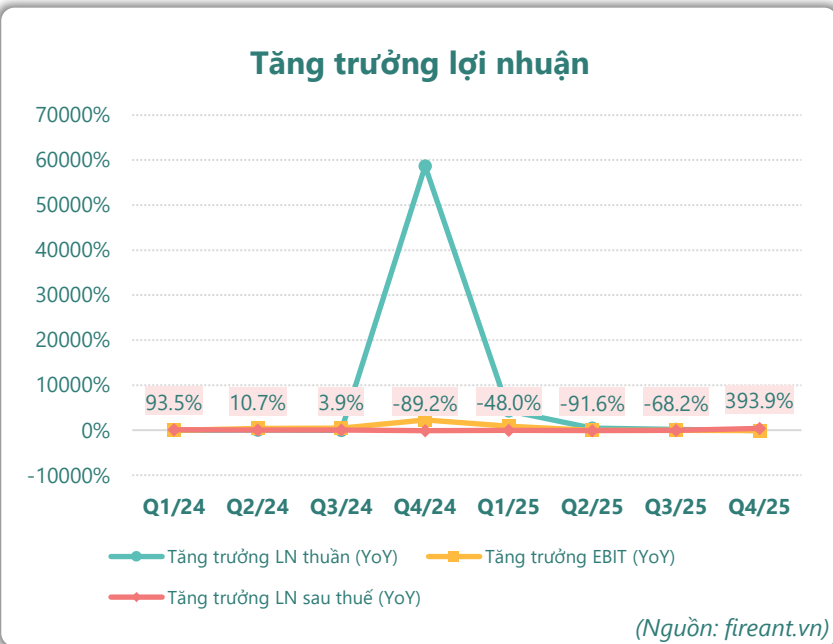
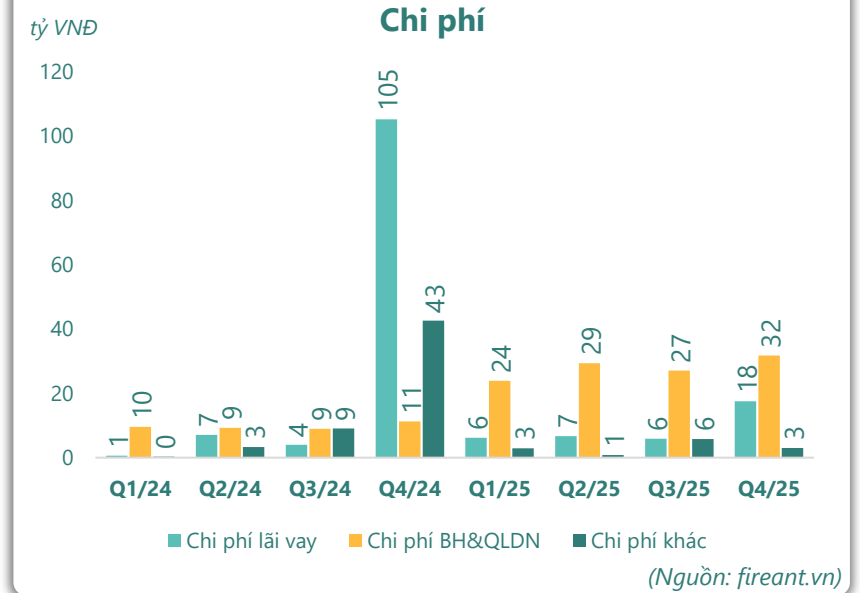
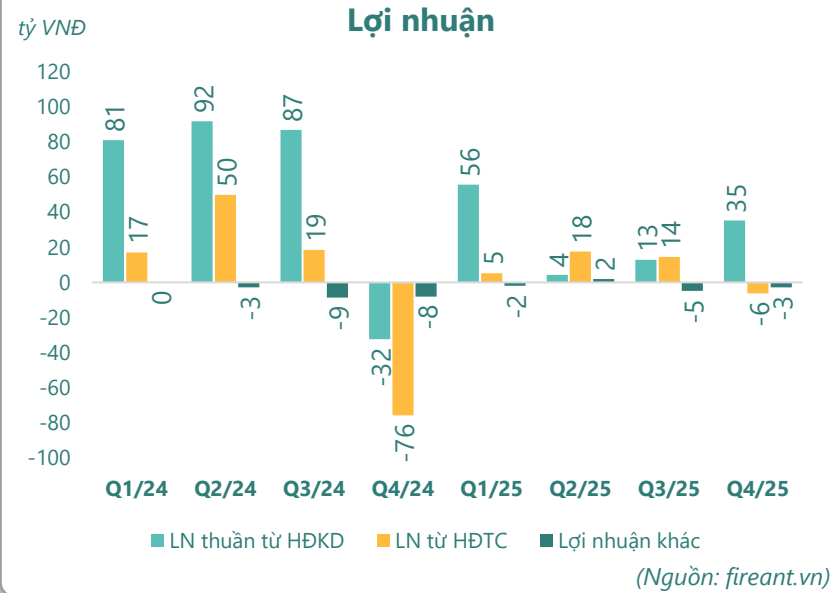
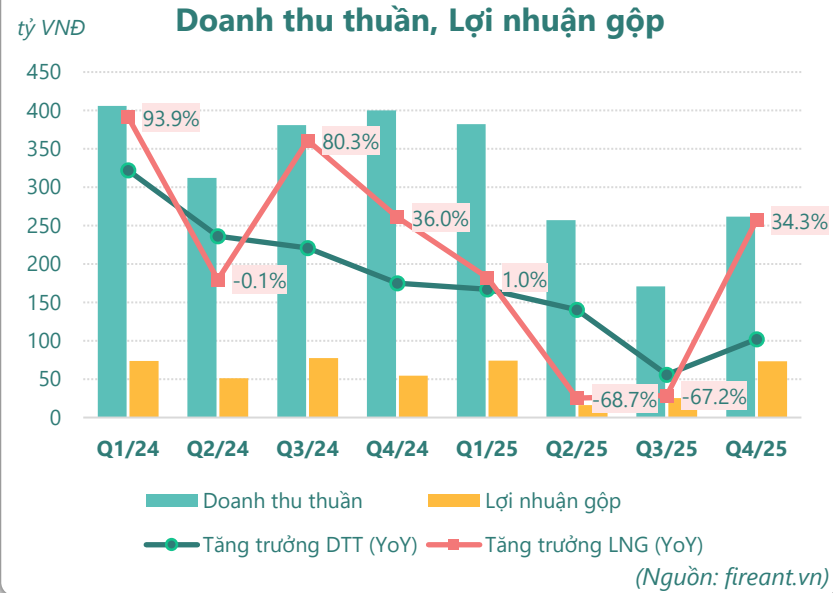
DT thuần 2025
1,072
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 424 -28.3%

LN thuần 2025
108
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 144 -57.2%

LN sau thuế 2025
67.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 108 -61.5%



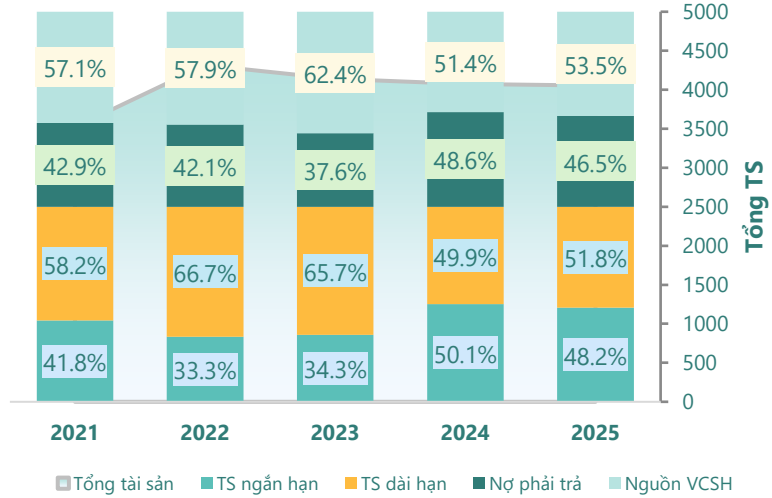
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

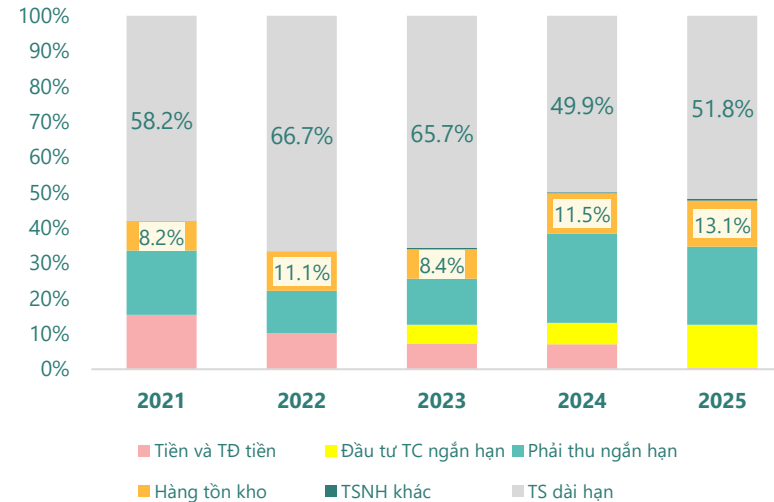
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

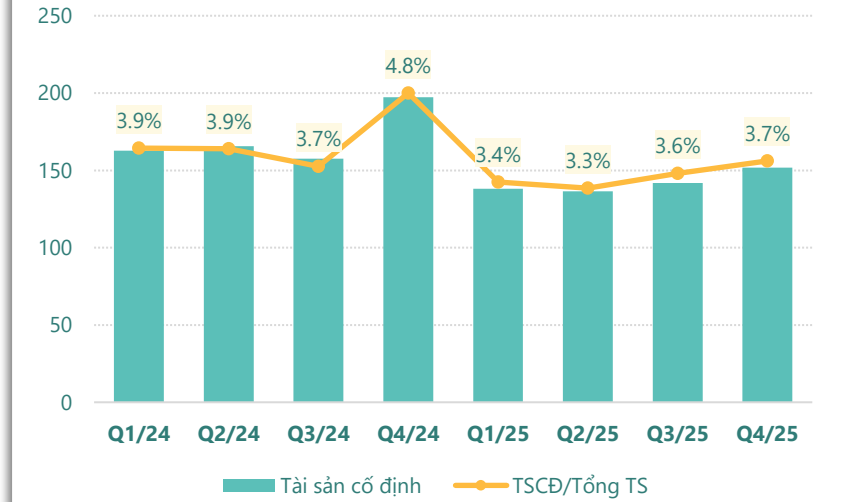
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

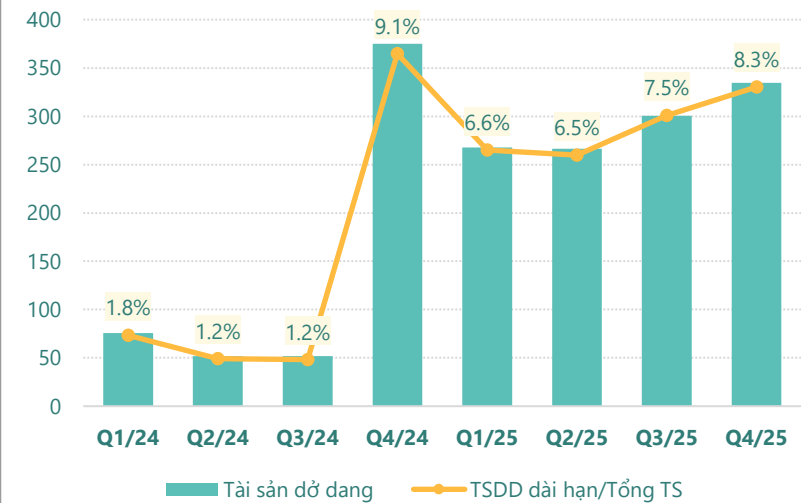
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

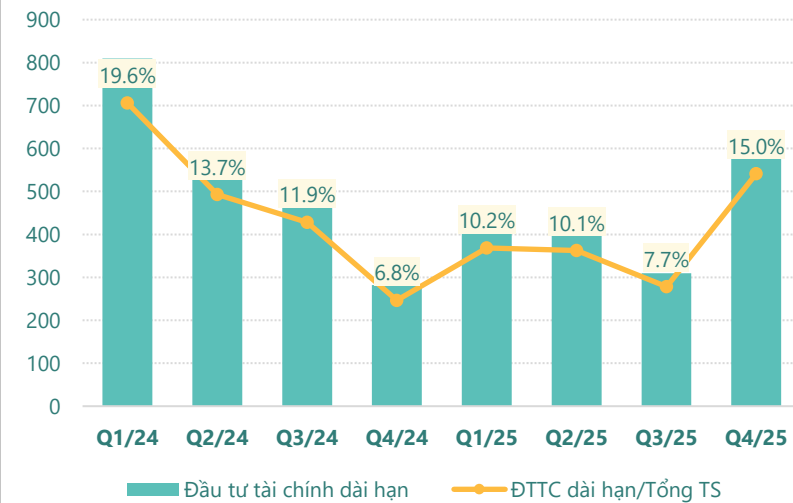
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

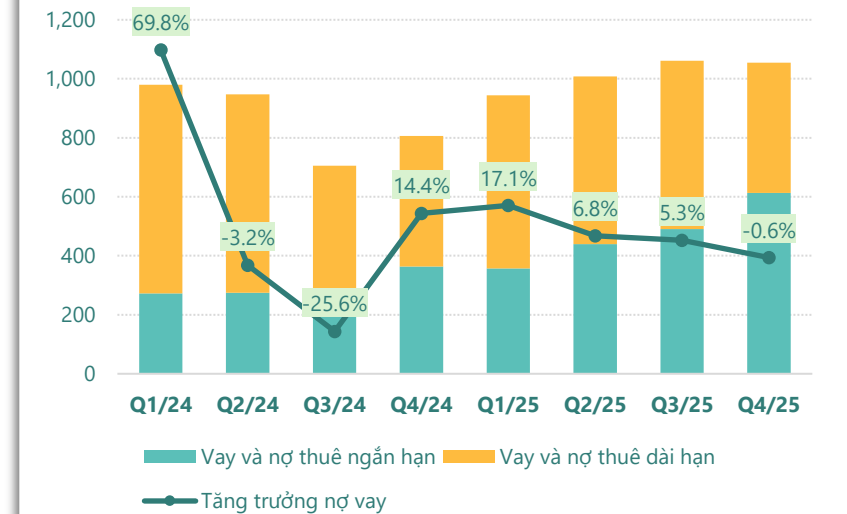
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

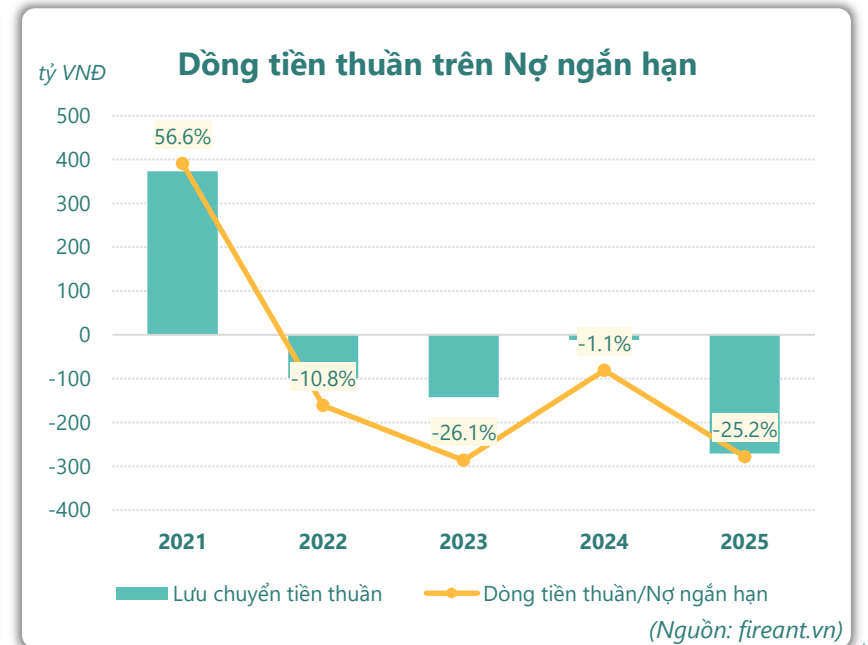
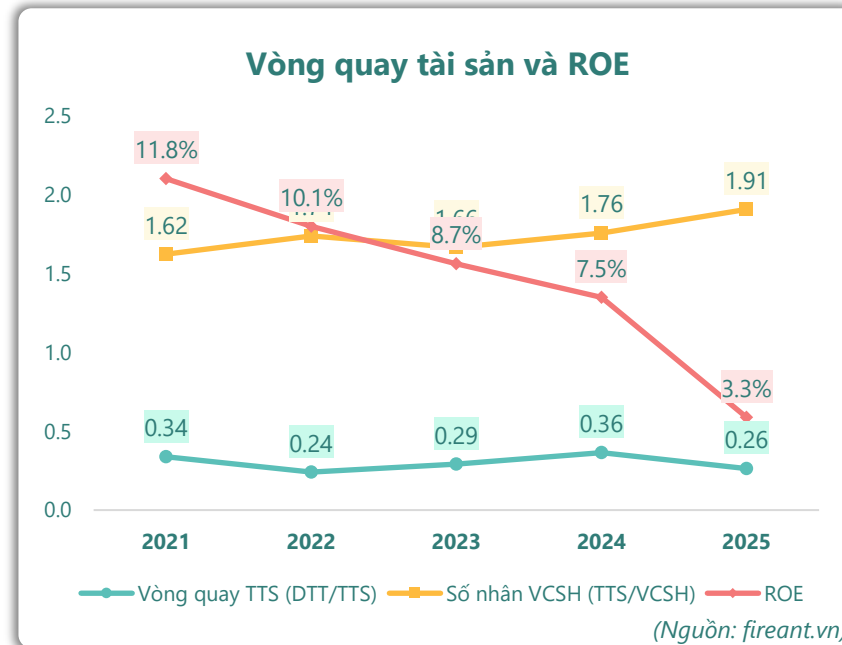
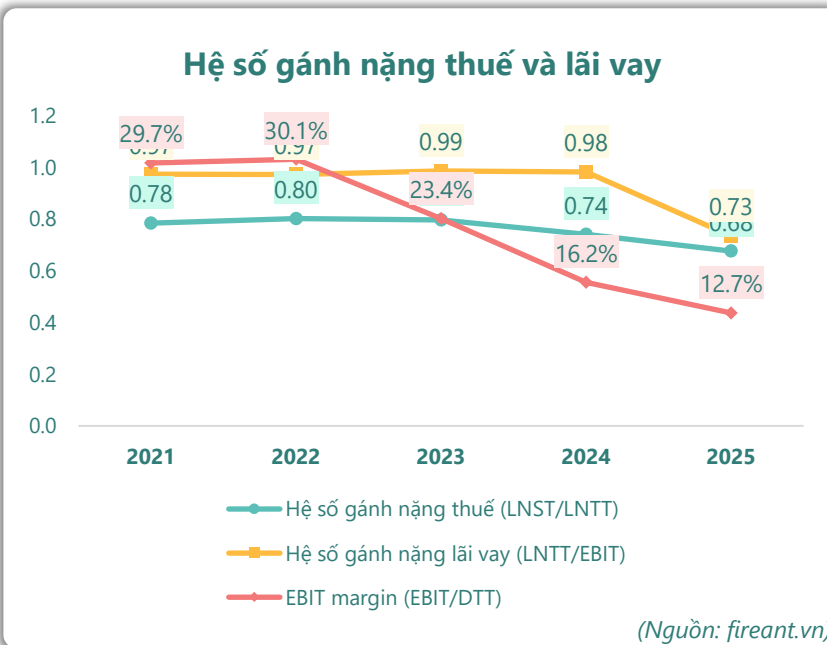
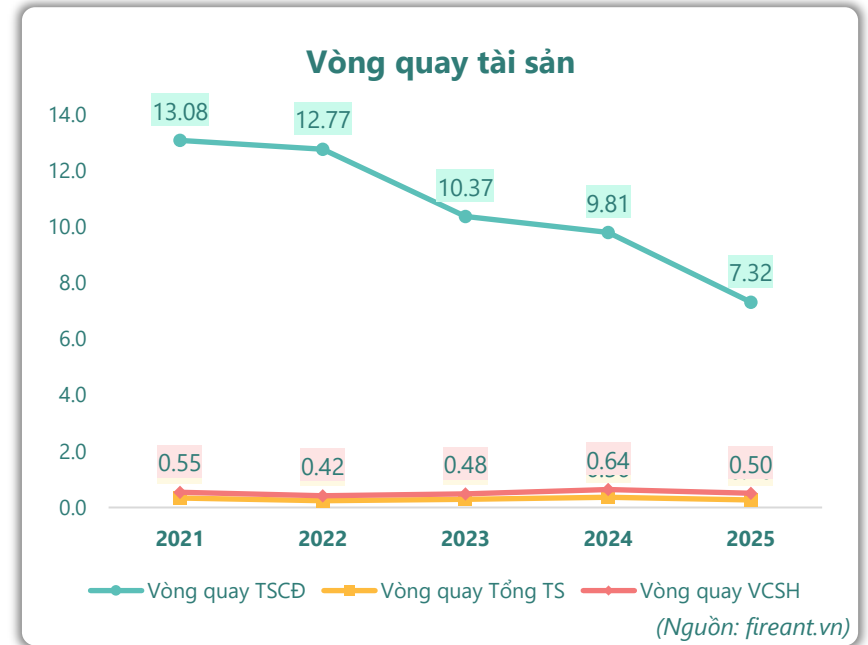
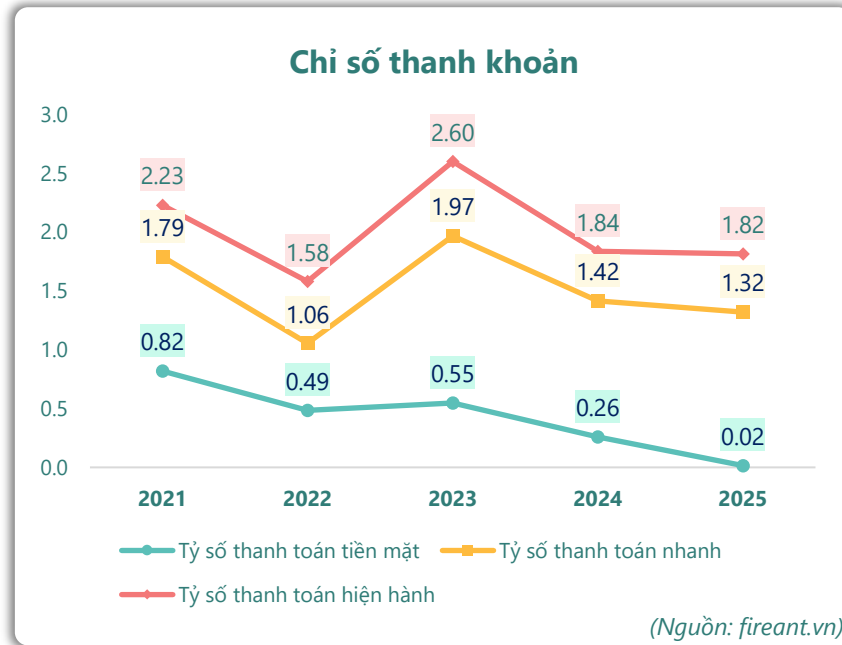
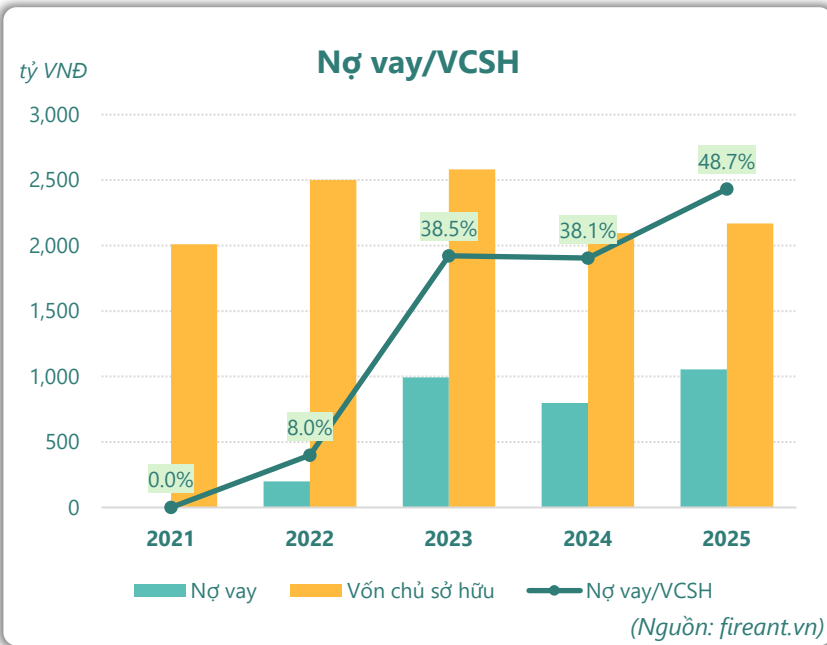
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	262	400	-34.6%	1,072	1,496	-28.3%
Giá vốn hàng bán	188	346	-45.6%	883	1,240	-28.8%
Lợi nhuận gộp	73.4	54.6	34.4%	189	256	-26.1%
Doanh thu HĐTC	20.3	29.5	-31.3%	77.8	121	-35.4%
Chi phí TC	26.6	105	-74.6%	46.9	86.1	-45.6%
Chi phí lãi vay	17.6	105	-83.3%	36.3	4.20	763%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00	0	
Chi phí bán hàng	7.23	0.09	7933%	11.4	9.19	23.7%
Chi phí QLDN	24.5	11.2	119%	101	29.2	245%
LN thuần từ HĐKD	35.3	-32.4	209%	108	252	-57.2%
Lợi nhuận khác	-2.81	-8.15	65.5%	-7.62	-14.3	46.6%
LN trước thuế	32.5	-40.6	180%	100	238	-57.8%
Lợi nhuận sau thuế	22.5	-42.6	153%	67.9	176	-61.5%
LNST của CĐ cty mẹ	23.3	-36.2	164%	70.2	177	-60.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-178	944	-399	399	-325	525
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.02	-884	92.1	-460	213	-470
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	48.4	54.7	156	122	-61.8	-61.8
Tiền đầu kỳ	309	173	287	136	197	23.9
Lưu chuyển tiền thuần	-136	115	-151	61.1	-173	-7.53
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.58	-0.58	0
Tiền cuối kỳ	173	288	136	197	23.9	16.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,053	4,073	-0.5%
Tài sản ngắn hạn	1,955	2,040	-4.2%
Tiền và tương đương tiền	16.3	287	-94.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	493	248	98.9%
Phải thu ngắn hạn	894	1,027	-12.9%
Hàng tồn kho	532	467	13.9%
Tài sản ngắn hạn khác	19.4	10.4	87.7%
Tài sản dài hạn	2,098	2,034	3.2%
Phải thu dài hạn	334	477	-30.0%
Tài sản cố định	152	141	7.6%
Bất động sản đầu tư	78.3	78.3	0.0%
Tài sản dở dang	335	273	22.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	609	413	47.5%
Tài sản dài hạn khác	21.8	28.7	-23.8%
Lợi thế thương mại	568	623	-8.8%
Nợ phải trả	1,884	1,979	-4.8%
Nợ ngắn hạn	1,077	1,111	-3.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	613	364	68.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	126	102	24.0%
Nợ dài hạn	807	868	-7.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	442	434	1.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,169	2,095	3.5%
Vốn chủ sở hữu	2,169	2,095	3.5%
Vốn điều lệ	1,936	1,936	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

